TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 443/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 8 năm 2022
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lương Thị Thu H**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huyền N

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết T

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị L** – Thư ký Tòa án nhân dân quận H;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố H *tham gia phiên tòa*: **Ông Đỗ Minh T** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2022/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 giữa

1. ***Nguyên đơn***: Chị Lê Thị T, sinh năm 1993; Đăng ký hộ khẩu và nơi ở hiện nay: Thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh N. Có mặt tại phiên tòa.

2. ***Bị đơn:*** Anh Giáp Mạnh C, sinh năm: 1993; Đăng ký hộ khẩu: Ngõ 37 phố B, phường C, quận H, thành phố H; Nơi ở hiện nay: Số 1, ngõ 37 phố B, phường C, quận H, thành phố H. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Lê Thị T:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 22/4/2022, bản tự khai ngày 26/4/2022 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân và tình cảm: chị Lê Thị T và anh Giáp Mạnh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 07/4/2014 tại UBND phường C, quận H, thành phố H. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại số 1, ngõ 37 phố B, phường C, quận H, thành phố H. Quá trình chung sống với nhau không có hạnh phúc. Nguyên nhân vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay. Chị T và con chung về ở cùng bố mẹ đẻ chị tại Thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh N. Anh C vẫn sống tại số 1, ngõ 37 phố B, phường C, quận H, thành phố H. Do vợ chồng đã ly thân từ lâu, vợ chồng không ai quan tâm chăm sóc nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Toà án giải quyết cho được ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: chị T và anh C có một con chung là Giáp Hoàng Bảo A, sinh ngày 09/01/2015, hiện nay sức khỏe con chung bình thường, phát triển tốt và đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vì cháu Bảo A đang còn nhỏ cần có mẹ chăm sóc trực tiếp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nhà ở chung, vay nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Lê Thị T không có yêu cầu nào khác.

2. Ý kiến của Bị đơn anh Giáp Mạnh C:

Anh Giáp Mạnh C hiện đang sinh sống tại số 1, ngõ 37 phố B, phường C, quận H, thành phố H. Nhưng anh C đi làm về giờ giấc thất thường nên Tòa án nhân dân quận H không tiến hành giao trực tiếp các văn bản tố tụng. Tòa án đã giao cho bà Nguyễn Thị P (mẹ đẻ anh C) và niêm yết các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án, thông báo ý kiến của nguyên đơn, thông báo phiên họp và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp và hòa giải, thông báo giao nộp chứng cứ; Quyết định đưa vụ án xét xử và quyết định hoãn phiên tòa) nhưng anh C không đến Tòa án để làm việc, để tham gia phiên họp, hòa giải và không nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án.

3.Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ như sau:

- Xác minh tại công an phường C xác nhận: Anh Giáp Mạnh C, sinh năm 1993, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Ngõ 37, phố B, phường C, quận H, thành phố H.Hiện anh C đang sinh sống tại số 1 ngõ 37 phố B, phường C, quận H, H

cùng mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị P, nhưng anh C đi làm về giờ thất thường, khó gặp trực tiếp.

- Xác minh tại tổ trưởng tổ dân phố tổ 1 phường C, quận H, thành phố H xác nhận: Anh C và chị T kết hôn và ở tại số 1 ngõ 37 phố B, phường C, quận H, H. Quá trình chung sống với nhau tổ dân phố không thấy phát sinh mâu thuẫn ra bên ngoài, còn mâu thuẫn nội bộ trong gia đình tổ dân phố không biết. Từ cuối năm 2015, chị T và con không còn sinh sống ở đây. Tại số 1 ngõ 37 phố B, phường C, quận H, H, chỉ có anh C sống cùng mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị P nhưng về nhà giờ thất thường. Nay chị T xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T và anh C có 01 con chung là Hoàng Bảo A hiện đang ở cùng chị T. Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung, tổ dân phố không biết.

- Cháu Giáp Hoàng Bảo A, sinh ngày 09/01/2015 trình bày cháu là con mẹ Lê Thị T và bố Giáp Mạnh C, hiện cháu đang học lớp 1A Trường tiểu học Q, thành phố T, tỉnh N, sức khỏe tốt. Cháu được biết bố mẹ cháu đang giải quyết ly hôn, nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

- Bà Nguyễn Thị P mẹ đẻ anh C trình bày: Anh Giáp Mạnh C và chị Lê Thị T kết hôn năm 2014. Sau khi kết hôn anh C và chị T chung sống hạnh phúc và ở tại số 1 ngõ 37 phố B, phường C, quận H, H. Đến năm 2015, anh chị có mâu thuẫn, chị T và con chung là cháu Bảo A không ở cùng anh C tại địa chỉ trên. Nay chị T xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh C và chị T có 01 con chung là cháu Giáp Hoàng Bảo A, sinh ngày 09/01/2015, hiện cháu đang sống cùng ông ngoại. Nếu giải quyết ly hôn đề nghị Tòa án giao con cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung, anh C và chị T không có.

4. *Tại phiên tòa:*

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, không có hạnh phúc. Nguyên nhân vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhiều năm nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Toà án giải quyết cho được ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: chị và anh C có một con chung là Giáp Hoàng Bảo A, sinh ngày 09/01/2015, hiện nay sức khỏe con chung bình thường và phát triển tốt. Khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung .

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung, chị T vẫn giữ nguyên những ý kiến đã trình bày, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H phát biểu ý kiến:

Tòa án nhân dân quận H thụ lý vụ án và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định như sau: chị T và anh C kết hôn hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã nảy sinh một thời gian và trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không quan tâm đến nhau, nên yêu cầu của chị T xin ly hôn anh C là phù hợp với Điều 51và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Giáp Hoàng Bảo A, sinh ngày 09/01/2015, hiện nay sức khỏe con chung bình thường và phát triển tốt. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh C không có ý kiến về con chung, nên giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, nhà ở chung và vay nợ chung: chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: chị T phải chịu theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Nguyên đơn chị Lê Thị T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là anh Giáp Mạnh C, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Anh C hiện đang cư trú tại số 1 ngõ 37 phố B, phường C, quận H, H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đến tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh C đi làm về giờ giấc thất thường nên Tòa án nhân dân quận H không tiến hành giao trực tiếp các văn bản tố tụng. Tòa án đã giao cho bà Nguyễn Thị Phúc (mẹ đẻ anh C) và niêm yết các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án, thông báo ý kiến của nguyên đơn, thông báo phiên họp và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp và hòa giải, thông báo giao nộp chứng cứ; Quyết định đưa vụ án xét xử và quyết định hoãn phiên tòa) nhưng anh C không đến Tòa án để làm việc, để tham gia phiên họp, hòa giải và không nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Việc tống đạt văn bản tố tụng là hợp lệ theo quy định tại Điều 177, Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng anh C không đến Tòa làm việc. Tòa án căn cứ vào Điều 227 hoãn phiên tòa và đã tống đạt quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh C vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh C.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị T và anh Giáp Mạnh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/4/2014 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận H, thể hiện là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4]. Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống, giữa vợ chồng chị T và anh C đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống. Chị T và mẹ đẻ anh C đều xác nhận vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Qua đó thể hiện mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng và không có khả năng khắc phục được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh C.

[5]. Về con chung: Xác nhận vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Giáp Hoàng Bảo A, sinh ngày 09/01/2015, sức khỏe bình thường, hiện đang sống với chị T ở thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh N. Chị T có thu nhập hàng tháng từ 15 đến 20 triệu/tháng. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Do cháu Bảo A còn nhỏ cần được sự chăm sóc của mẹ, chị T có chỗ ở và thu nhập đủ khả năng để chăm sóc con và để đảm bảo sự ổn định tâm lý, điều kiện sinh hoạt của cháu Bảo A cũng như theo nguyện vọng của cháu Bảo A muốn được ở với mẹ vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của anh C cho đến khi cháu Bảo A đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[6]. Về tài sản chung, nhà ở chung và vay nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh C không có ý kiến nên giành quyền khởi kiện về tài sản chung, nhà ở chung và vay nợ chung cho anh C trong vụ án khác khi có yêu cầu.

[8]. Về án phí: chị T là nguyên đơn xin ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220; Điều 271; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 24; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

***Xử*:**

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T đối với anh Giáp Mạnh C. Chị T được ly hôn anh C.

2. Về con chung: Xác nhận chị T và anh C có 01 con chung là cháu Giáp Hoàng Bảo A, sinh ngày 09/01/2015. Giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh C kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Giáp Hoàng Bảo A trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Giáp Mạnh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Anh C không có ý kiến nên giành quyền khởi kiện về tài sản chung, nhà ở chung và vay nợ chung cho anh C trong vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: chị Lê Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án

phí chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012418 ngày 26/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận H;
- UBND phường C, quận H, tp.H (GCNKH số 17, ngày 07/4/2014)
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lương Thị Thu H